

Bản án số 05/2026/HNGĐ-ST  
Ngày: 21/01/2026.  
V/v: Xin ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 – SƠN LA**

***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán Chủ tọa phiên toà: Ông Đỗ Như Khánh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tường Duy Bình.
2. Bà Trần Thị Thu Thủy.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Thùy Linh, thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 6 – Sơn La.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6 – Sơn La tham gia phiên tòa: Bà Lý Hoàng Linh, Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 6 – Sơn La, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 59/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2025 về việc xin ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2025/QĐXX-ST ngày 17 tháng 12 năm 2025 và quyết định hoãn phiên tòa số 10 ngày 06 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Vì Thị Hương T, sinh 02/7/2004.

Số CCCD: 0143.04013884, cấp ngày 16/5/2022.

Địa chỉ: Tổ dân phố C, phường M, tỉnh S, có mặt.

Bị đơn: Anh Lò Đức M, sinh 05/8/1999.

Địa chỉ: Tổ dân phố C, phường M, tỉnh S.

Số CCCD: 014099002113, cấp ngày 13/4/2021.

Nghề nghiệp: Lao động tự do, có đơn xin xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

***Theo đơn xin ly hôn nộp ngày 04/11/2025, bản tự khai tại Tòa án và lời khai tại phiên tòa nguyên đơn chị Vì Thị Hương T trình bày:***

Chị T và anh M kết hôn với nhau từ ngày 29/8/2023, khi kết hôn đã đủ tuổi đăng ký việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân

dân xã Đông Sang, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La (Nay là UBND phường Mộc Sơn, tỉnh Sơn La).

Sau khi kết hôn chị T về nhà anh M ở.

Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2024, thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là bất đồng trong quan điểm sống, không có tiếng nói chung trong cuộc sống. Mâu thuẫn vợ, chồng thường xuyên phát sinh, do không chịu nổi chị T đã sống ly thân với anh M từ tháng 11/2024, từ đó chị không còn đi lại thăm hỏi anh M nữa.

Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh M.

Về con chung: Có 01 cháu là Lò Tuệ M, sinh ngày 26/10/2023.

Từ khi sống ly thân cháu M vẫn do chị T nuôi dưỡng giáo dục.

Sau khi ly hôn, chị T xin nuôi cháu M, chị yêu cầu anh M đóng góp tiền nuôi cháu Tuệ cùng chị mỗi 01 tháng là 2.000.000đ đến khi cháu Tuệ trưởng thành 18 tuổi.

Về tài sản chung: Không có gì.

Về nợ chung: Không có.

Về án phí: Chị T xin nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra không có yêu cầu hay đề nghị gì thêm.

***Bị đơn anh Lò Đức M trình bày.***

Anh M nhất trí với việc chị T trình bày về thời gian kết hôn, quá trình chung sống, mâu thuẫn vợ chồng, thời gian sống ly thân của hai vợ, chồng, về con chung.

Tuy nhiên anh M xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh xin đoàn tụ.

Về con chung: Từ khi anh và chị T sống ly thân, cháu Lò Tuệ M vẫn do chị T nuôi dưỡng giáo dục.

Trường hợp phải ly hôn, anh M giao cháu M cho chị T nuôi dưỡng giáo dục, anh M có trách nhiệm đóng góp tiền nuôi cháu Tuệ cùng chị T mỗi 01 tháng 2.000.000đ.

Về tài sản chung: Không có gì.

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6 – Sơn La phát biểu ý kiến như sau:

- Về việc chấp hành nguyên tắc xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử chấp hành đúng các nguyên tắc xét xử quy định tại các Điều 11, 12, 15, 17, 24, 25 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về thành phần hội đồng xét xử: Đúng quy định tại Điều 63 Bộ luật tố tụng dân sự, đúng như trong quyết định đưa vụ án ra xét xử.

- Trình tự, thủ tục tại phiên tòa được thực hiện đúng quy định tại Điều 239, 243, 247, 249, 258, 260 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ nhiệm vụ quy định tại Điều 51 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228 của BLTTDS sửa đổi năm 2025; khoản 4 Điều 147 Bộ luật dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào điểm a khoản 5, điểm đ khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Vì Thị Hương T. Xử cho chị Vì Thị Hương T được ly hôn với anh Lò Đức M.

2. Về con chung: Giao cháu Lò Tuệ M, sinh ngày 26/10/2023 cho chị Vì Thị Hương T, trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục tính từ ngày 21/01/2026 đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Không bên nào được cản trở quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau ly hôn.

Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh Lò Đức M có trách nhiệm đóng góp tiền nuôi con cùng chị Vì Thị Hương T mỗi 01 tháng là 2.000.000đ (Hai triệu đồng).

3. Về tài sản chung: Hai bên đương sự đều xác định không có nên, nên không xem xét giải quyết.

4. Về vay nợ chung: Hai bên đương sự đều xác định không có nên, nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Chị Vì Thị Hương T phải chịu án phí DS/ST theo quy định của pháp luật.

Anh Lò Đức M phải chịu án phí DS/ST về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ kiện, chị Vì Thị Hương T đã cung cấp đầy đủ các tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình.

Do các đương sự đều có nơi cư trú tại: Tổ dân Cọ Bua, phường Mộc Sơn, tỉnh Sơn La. Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của

BLTTDS sửa đổi năm 2025 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 6 – Sơn La.

Anh Lò Đức M có đơn xin xét xử vắng mặt.

Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

**[2] Về quan hệ hôn nhân và mâu thuẫn gia đình:**

Chị T và anh M kết hôn với nhau vào ngày 29/8/2023, khi kết hôn cả hai đã đủ tuổi đăng ký, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đông Sang, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La, xác định là quan hệ hôn nhân hợp pháp, nên được pháp luật công nhận, bảo vệ.

Sau khi kết hôn chị T về chung sống cùng gia đình anh M.

Quá trình giải quyết vụ án hai anh, chị đều xác định cuộc sống hạnh phúc đến năm 2024, thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là bất đồng trong quan điểm sống, không có tiếng nói chung trong cuộc sống, thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau. Mâu thuẫn thường xuyên phát sinh, chị T và anh M đã sống ly thân với nhau từ cuối năm 2024, từ khi sống ly thân chị T và anh M không ai đi lại thăm hỏi nhau nữa.

Mặc dù tại các phiên hòa giải anh M đều có nguyện vọng xin đoàn tụ gia đình, nhưng qua xác minh với chính quyền địa phương và gia đình anh M cho thấy mâu thuẫn vợ, chồng chị T và anh M đã thực sự trầm trọng, việc anh M xin đoàn tụ không hoàn toàn thiện chí mà cố tình gây khó khăn cho chị T trong việc giải quyết ly hôn của chị T.

Từ những nhận định nêu trên Tòa án nhận thấy từ việc hai bên đã sống ly thân, tình trạng hôn nhân thực tế của các bên thấy rằng mâu thuẫn giữa chị T và anh M đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Vì Thị Hương T, xử cho chị Vì Thị Hương T được ly hôn với anh Lò Đức M.

**[3] Về con chung:** Chị T và anh M có 01 con chung là cháu Lò Tuệ M, sinh ngày 26/10/2023, từ khi chị T và anh M sống ly thân, cháu M vẫn do chị Vì Thị Hương T, trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, ý kiến của anh M nếu không đoàn tụ gia đình được về con chung anh sẽ giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục cháu M. Anh M sẽ có trách nhiệm đóng góp tiền nuôi cháu M cùng với chị T mỗi 01 tháng là 2.000.000đ (Hai triệu đồng). Xét là phù hợp, do đó sau khi giải quyết cho chị T được ly hôn với anh M, về con chung giao cần cháu Lò Tuệ M, sinh ngày 26/10/2023 cho chị Vì Thị Hương T, trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục tính từ ngày 21/01/2026 đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Không bên nào được cản trở quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau ly hôn.

Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh Lò Đức M có trách nhiệm đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi cháu Lò Tuệ M cùng chị Vì Thị Hương T mỗi 01 tháng là 2.000.000đ (Hai triệu đồng), tính từ ngày 21/01/2026 đến khi cháu Lò Tuệ M trưởng thành 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

[4] Về tài sản chung: Hai bên đương sự đều xác định không có nên, nên không xem xét giải quyết.

[5] Về vay nợ chung: Hai bên đương sự đều xác định không có nên, nên không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Căn cứ vào điểm a khoản 5, điểm đ khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chị Vì Thị Hương T phải chịu án phí DS/ST theo quy định của pháp luật.

Anh Lò Đức M phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn bị đơn được quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228 của BLTTDS sửa đổi năm 2025.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 BLDS,

Căn cứ vào điểm a khoản 5, điểm đ khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Xử cho chị Vì Thị Hương T được ly hôn với anh Lò Đức M.

2. Về con chung:

Giao cháu Lò Tuệ M, sinh ngày 26/10/2023 cho chị Vì Thị Hương T, trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục tính từ ngày 21/01/2026 đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Không bên nào được cản trở quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau ly hôn.

Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh Lò Đức M có trách nhiệm đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Vì Thị Hương T mỗi 01 tháng là 2.000.000đ (Hai triệu đồng), đến khi cháu Lò Tuệ M trưởng thành 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Việc đóng góp tiền nuôi con của anh Lò Đức M được thi hành từ ngày 21/01/2026.

*Kể từ ngày Bản án, Quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày chị Vì Thị Hương T có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.*

3. Về tài sản chung: Hai bên đương sự đều xác định không có nên, nên không xem xét giải quyết.

4. Về vay nợ chung: Hai bên đương sự đều xác định không có nên, nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Chị Vì Thị Hương T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0000660 ngày 04/11/2025 của phòng Thi hành án dân sự Khu vực 6 - Sơn La.

Anh Lò Đức M phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con, được nộp tại phòng Thi hành án dân sự Khu vực 6 - Sơn La.

6. Về quyền kháng cáo:

Căn cứ Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền: thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- VKS nhân dân Khu vực 6 – Sơn La;
- Phòng THADS Khu vực 6 – Sơn La;
- UBND phường Mộc Sơn, tỉnh Sơn La;
- Các đương sự;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**( Đã ký)**

**Đỗ Như Khánh**



